

Bản án số: 131/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2026
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trung Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Ánh Trinh.

2. Ông Tăng Tài Thủ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:*
Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 282/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm 1976. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường P, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1982. (Vắng mặt lần 2)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện ngày 18.11.2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn G tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ (cũ) theo giấy chứng nhận kết hôn số

100/2016 ngày 16.7.2016. Ông bà chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không phù hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường hay cãi vã, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Từ đó, ông bà sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà L xác định không còn tình cảm với ông G nên bà yêu cầu ly hôn. Ngoài ra, do bận công việc nên bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về con chung: Ông, bà có một con chung là Nguyễn Ngọc Duyên A (nữ), sinh ngày: 22.02.2015. Khi ly hôn, bà L xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Duyên A, bà không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập ông G tham gia tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông G đều vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà L nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh bà Lê Thị L1 – là mẹ ruột của ông Nguyễn Văn G về quan hệ hôn nhân, con chung của bà Xuân L và ông G. Chứng cứ thu thập phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn .

Tại phiên tòa, Chủ tọa đã công bố đơn của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt và tóm tắt nội dung vụ án, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Xuân L được ly hôn với ông Nguyễn Văn G.

- Về con chung: Ông bà có một con chung là Nguyễn Ngọc Duyên A (nữ), sinh ngày: 22.02.2015. Giao cháu Duyên A cho bà L nuôi dưỡng, ông G không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết trong cùng vụ án, khi đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuân L phải chịu theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân L vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Xuân L và ông Nguyễn Văn G.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Xuân L và ông Nguyễn Văn G là tự nguyện. Ông bà tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bà L có đơn khởi kiện ly hôn đối với ông G nên Tòa án thụ lý xem xét, giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông G phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông, bà bất đồng trong quan điểm sống nên thường hay cãi vã, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mặc dù, bà L đã nhiều lần cho ông G cơ hội nhưng vẫn không thể khắc phục được mâu thuẫn, từ đó hạnh phúc vợ chồng không còn. Hơn nữa, bà L và ông G sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông G đến làm việc nhưng ông đều vắng mặt và cũng không có ý kiến gì cho thấy thái độ không quan tâm, bỏ mặc. Xét vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng nay bà L xác định không còn tình cảm với ông G, ông bà có thời gian sống ly thân ông G lại không đưa ra biện pháp hàn gắn gia đình cho thấy hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho bà Nguyễn Thị Xuân L được ly hôn với ông Nguyễn Văn G.

[4] *Về con chung*: Ông, bà có một con chung tên Nguyễn Ngọc Duyên A (nữ), sinh ngày: 22.02.2015. Xét thấy, cháu Duyên A đang sinh sống cùng với

bà L và có nguyện vọng được bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Bà L cũng xin được nuôi dưỡng cháu Duyên A. Do đó, để ổn định môi trường sống, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu Duyên A cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp. Ngoài ra, xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên người được quyền yêu cầu cấp dưỡng không có văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định nên Hội đồng xét xử không buộc ông G phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không giải quyết trong cùng vụ án, khi đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Xuân L phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2025;
- Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Tuyên án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Xuân L được ly hôn với ông Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Ngọc Duyên A (nữ), sinh ngày: 22.02.2015. Giao cháu Duyên A cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho ông G không ai được quyền ngăn cản. Bà L, ông G có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết trong cùng vụ án, khi đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuân L phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm

ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012723 ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cần Thơ. Công nhận bà L đã nộp xong.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- UBND xã Thới Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Trung Thu